

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82,
Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 390/2020/HNST ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1975;

- Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: K3.02 KDC V, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55, Quyền số 01/2003 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 5 năm 2003).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 15 (mười lăm) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục

nhưng không có kết quả. Ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ năm 2017 đến nay.

Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B có 01 (một) con chung là Nguyễn Quang Z, sinh ngày 07/02/2005. Sau khi ly hôn cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con một tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hồng T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hồng T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 55, Quyền số 01/2003 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 5 năm 2003).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B có 01 (một) con chung là Nguyễn Quang Z, sinh ngày 07/02/2005.

Sau khi ly hôn cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con một tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hồng T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hồng T xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị Ngọc B chịu lệ phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032789 ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thom).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương